TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21-9-2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lữ Quốc Toàn
Ông Hồ Văn Tài
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đinh Thị Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 460/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/7/2023 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1966.
Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1969.
Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 14/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, bà và ông Nguyễn Văn T tổ chức đám cưới và sống chung với nhau vào năm 1985 tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trước đó, ông bà chưa ai có vợ có chồng.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp

nhau, ông Nguyễn Văn T hay chửi mắng, xúc phạm bà. Ông bà đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vì con nên bà duy trì cuộc sống chung với ông Nguyễn Văn T, nhưng nay các con đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên bà không có mong muốn duy trì cuộc sống chung nữa. Mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, bà không còn tình cảm yêu thương ông Nguyễn Văn T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn T có 05 con chung là: Nguyễn Thị Kim Khai sinh ngày 16/9/1986, Nguyễn Thị Kim T1 sinh ngày 05/6/1988, Nguyễn Thị Kim T2 sinh ngày 18/9/1990, Nguyễn Thị Kim T3 sinh ngày 04/12/1992 và Nguyễn Thị Kim L sinh ngày 16/9/1995. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là nhà và quyền sử dụng đất nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1985 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Về con chung: Đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết; nợ chung: Bà Nguyễn Thị Nguyên k không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T nên xác định quan hệ pháp luật là "*Ly hôn*". Ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1985, có tổ chức đám cưới

nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên xảy ra cãi vã xúc phạm nhau. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân của ông bà cho thấy vợ chồng ông bà sống chung không hạnh phúc, ông T không tôn trọng, xúc phạm đến bà N. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của bà N và ông T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[**4**] Về con chung: Các con chung của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T là Nguyễn Thị Kim Khai s ngày 16/9/1986, Nguyễn Thị Kim T1 sinh ngày 05/6/1988, Nguyễn Thị Kim T2 sinh ngày 18/9/1990, Nguyễn Thị Kim T3 sinh ngày 04/12/1992 và Nguyễn Thị Kim L sinh ngày 16/9/1995 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N trình bày vợ chồng có tài sản chung là nhà và quyền sử dụng đất nhưng không yêu cầu giải quyết, ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên không có lời khai nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N trình bày vợ chồng không có nợ chung, nhưng không yêu cầu giải quyết, ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên không có lời khai nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung**:** Không giải quyết**.**

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0008080 ngày 28 tháng 6 năm 2023 được khấu trừ vào án phí. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Xuân Lộc;
- Thi hành án dân sự H. Xuân Lộc;
- UBND cấp xã (ghi vào sổ hộ tịch);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thanh